



KIỂM TRA TOÁN



Khoanh vào chữ cái đặt trước câu đáp án đúng.

Bài 1. Số thập phân **50,050** được viết dưới dạng gọn nhất là :

- A. 5,5 B. 50,5 C. 50,05 D. 50,005

Bài 2. Số thập phân 0,300 được viết dưới dạng phân số thập phân là :

- A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{30}{100}$ C. $\frac{300}{1000}$ D. cả 3 đều đúng

Bài 3. Trong các số thập phân **86,42; 86,422; 686,42; 86,642** số lớn nhất là :

- A. 86,42 B. 86,422 C. 686,42 D. 86,642

Bài 4. Cho các số thập phân: **95,6; 95,31; 941,5 ; 9,631** số nhỏ nhất trong dãy số trên là:

- A. 95,6 B. 95,31 C. 941,5 D. 9,631

Bài 5. Cho các số: **1,604; 25,57; 12,32; 68,46; 77,62**. Hãy chọn đáp số đúng:

- A. $68,46 < 12,32 < 25,57 < 1,604 < 77,62$
 B. $1,604 < 68,46 < 25,57 < 12,32 < 77,62$
 C. $1,604 < 12,32 < 68,46 < 25,57 < 77,62$
 D. $1,604 < 12,32 < 25,57 < 68,46 < 77,62$

Bài 6. Tìm số tự nhiên x, biết : $38,46 < x < 39,08$

- A. 38 B. 39 C. 40 D. 41

Bài 7. Dãy số sau được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là :

- A. 5,017 ; 5,018 ; 5,1 ; 5,028 ; 5,039 ; 5,029
 B. 5,017 ; 5,018 ; 5,028 ; 5,1 ; 5,039 ; 5,029
 C. 5,017 ; 5,018; 5,028 ; 5,029 ; 5,039 ; 5,1
 D. 5,1 ; 5,017 ; 5,018; 5,028 ; 5,029 ; 5,039

Bài 8. Tìm chữ số a ,biết : $86,718 > 86,7a9$

- A. $a = 3$ B. $a = 2$ C. $a = 1$ D. $a = 0$

Bài 9. Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài 895m. Đoạn đường đó dài số ki-lô-mét là :

- A. 89,5km B. 8,95km C. 0,895km D. 0,0895km

Bài 10. Đoạn đường từ nhà Nam đến trường dài $4\frac{3}{100}$ km. Đoạn đường đó dài số mét là :

- A. 402m B. 430m C. 4030m D. 2300m